

Số: 4441 /QĐ-UBND

An Lão, ngày 6 tháng 6 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc giao kế hoạch lớp, học sinh và chỉ tiêu tuyển sinh
cho các cơ sở giáo dục Mầm non, Tiểu học, THCS, THPT
Năm học 2025-2026**

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN AN LÃO

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2025;

Căn cứ Điều lệ trường mầm non; Điều lệ trường tiểu học; Điều lệ trường trung học cơ sở; Thông tư số 40/2021/TT-BGDĐT ngày 30/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tuyển sinh tổ chức và hoạt động của trường Tiểu học, trường THCS, trường THPT và trường phổ thông có nhiều cấp học loại hình tư thục;

Thực hiện Công văn số 1729/SGDĐT-QLCL ngày 28/3/2025 của Sở GD&ĐT Hải Phòng về việc hướng dẫn tuyển sinh vào các lớp Mầm non và lớp 1 năm học 2025-2026; Hướng dẫn số 788/HD-SGDĐT ngày 14/2/2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo Hải Phòng về hướng dẫn tuyển sinh vào lớp 6 trung học cơ sở năm học 2025-2026; Kế hoạch số 59/KH-UBND ngày 20/3/2025 của UBND huyện An Lão; Kế hoạch số 80/KH-UBND ngày 10/4/2025 của UBND huyện An Lão về công tác tuyển sinh vào các lớp Mầm non, lớp 1, lớp 6 năm học 2025-2026;

Theo đề nghị của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện tại Tờ trình số 202/TTr-PGDĐT ngày 05/6/2025 về việc giao kế hoạch lớp, học sinh và chỉ tiêu tuyển sinh năm học 2025-2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao kế hoạch lớp, học sinh và chỉ tiêu tuyển sinh cho các cơ sở giáo dục Mầm non, Tiểu học, THCS, THPT trên địa bàn huyện An Lão năm học 2025-2026 (có biểu kế hoạch chi tiết kèm theo).

Điều 2. Hiệu trưởng các trường Mầm non, Tiểu học, THCS, THPT có trách nhiệm xây dựng kế hoạch, tổ chức tuyển sinh theo chỉ tiêu được giao và các quy định hiện hành.

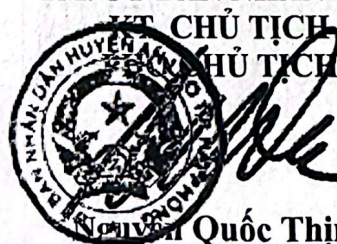
Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND&UBND huyện, Trưởng phòng GD&ĐT, Trưởng phòng Nội vụ, Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch, Hiệu trưởng các trường Mầm non, Tiểu học, THCS, THPT, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thi hành.

Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN



Quốc Thịnh

GIAO KẾ HOẠCH LỚP, HỌC SINH 2,3,4,5 VÀ CHỈ TIÊU TUYỂN SINH LỚP 1 NĂM HỌC 2025-2026

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND, ngày tháng 6 năm 2025 của UBND huyện An Lão)

STT	TRƯỜNG	DS ĐỘ TUỔI (6 tuổi)	HQC XON G (MG; LỚP 5)	SỐ GV (BC VÀ HĐ 111)	SỐ P. HỌC VĂN HÓA HIỆN CÓ	SỐ LỚP - SỐ HS NĂM HỌC 2024-2025								KẾ HOẠCH TUYỂN SINH NĂM HỌC 2025-2026																	
						Lớp 4		Lớp 3		Lớp 2		Lớp 1		Lớp 5		Lớp 4		Lớp 3		Lớp 2		Lớp 1						Tổng toàn trường			
						Số lớp	Số HS	Số lớp	Số HS	Số lớp	Số HS	Số lớp	Số HS	Số lớp	Số HS	Số lớp	Số HS	Số lớp	Số HS	Số lớp	Số HS	Số lớp	Số HS	Số lớp	Số HS	Đúng tuyển		Trái tuyển	Lưu ban	Số lớp	Số HS
																										Số HS trên địa bàn	Số HS được phân tuyển				
1	Bát Trang	187	186	34	25	5	172	4	143	5	166	5	152	5	172	4	143	5	166	5	149	6	195	187		5	3	25	825		
2	Trường Thọ	180	180	42	30	5	145	5	162	6	172	6	195	5	145	5	162	6	172	6	195	6	186	180		5	1	28	860		
3	Trường Thành	89	89	25	18	4	108	3	109	3	100	3	103	4	108	3	109	3	100	3	104	3	106	89		16	1	16	527		
4	An Tiến	148	148	36	25	5	187	5	153	5	161	5	181	5	187	5	154	5	163	5	184	5	180	148		32	0	25	868		
5	Thị Trấn	104	104	30	20	4	141	3	99	4	129	4	148	4	141	3	99	4	129	4	148	4	145	104		41	0	19	662		
6	An Thắng	118	118	26	20	4	118	3	95	3	104	3	106	4	118	3	95	3	104	3	104	4	130	113		15	2	17	551		
7	Tân Dân	144	144	29	19	4	137	3	110	4	140	3	110	4	137	3	110	4	140	3	110	5	155	144		8	3	19	652		
8	Trường Sơn	150	150	40	24	4	140	5	147	5	164	5	156	4	140	5	147	5	164	5	156	5	175	150		24	1	24	782		
9	Trần Tất Văn	212	212	49	32	7	240	5	175	6	211	7	192	7	240	5	175	6	211	7	190	7	224	212		10	2	32	1040		
10	Nguyễn Đốc Tín	163	163	38	32	5	162	4	135	5	185	5	168	5	162	4	135	5	184	5	165	5	175	163		8	4	24	821		
11	Lê Khắc Cẩn	92	92	24	15	3	119	3	100	3	94	3	104	3	119	3	100	3	94	3	104	3	95	92		3	0	15	512		
12	Chiến Thắng	102	102	29	27	3	110	4	137	4	120	4	120	3	110	4	137	4	120	4	120	3	106	102		3	1	18	593		
13	Mỹ Đức 1	96	96	26	17	4	121	3	94	3	114	3	107	4	121	3	94	3	114	3	105	3	103	96		5	2	16	537		
14	Mỹ Đức 2	84	84	24	15	3	113	3	94	3	87	3	96	3	113	3	94	3	87	3	96	3	92	84		8	0	15	482		
15	Tân Viên	133	133	33	23	5	175	4	123	4	149	5	152	5	175	4	123	4	149	5	148	4	145	133	5	3	4	22	740		
16	Quốc Tuấn	167	167	33	24	5	162	4	136	5	163	5	173	5	162	4	136	5	163	5	173	5	175	167		6	2	24	809		
17	Quang Trung	145	145	33	24	5	150	4	125	5	145	5	147	5	150	4	125	5	145	5	147	5	156	145		10	1	24	723		
18	Quang Hưng	109	109	25	17	4	122	3	90	3	93	3	109	4	122	3	90	3	93	3	105	4	120	109		7	4	17	530		
Cộng		2423	2422	576	407	79	2622	68	2227	76	2497	77	2519	79	2622	68	2228	76	2498	77	2503	80	2663	2418	5	209	31	380	12514		